ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:4485 /QĐ-UBND	*Hải Phòng, ngày 26 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nạo vét và kiên cố hoá kênh Phao Tân - An Bài

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn Hải Phòng tại Văn bản số 2610/BQLDA-ĐHDA3 ngày 16 tháng 10 năm 2026 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1060/TTr-SNNMT ngày 20 tháng 10 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nạo vét và kiên cố hóa kênh Phao Tân - An Bài (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn Hải Phòng (sau đây gọi là Chủ dự án) tại địa bàn các phường Chí Linh, Chu Văn An và Lê Đại Hành, thành phố Hải Phòng với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4.

1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường quản lý hồ sơ thẩm định và các tài liệu liên quan đến Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án theo quy định; chủ trì cùng Ủy ban nhân dân các phường: Chí Linh, Chu Văn An, Lê Đại Hành và các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện những nội dung bảo vệ môi trường trong Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Giao Ủy ban nhân dân các phường: Chí Linh, Chu Văn An, Lê Đại Hành căn cứ thẩm quyền có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và xử lý vi phạm, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan đối với Chủ dự án theo quy định của pháp luật; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát những nội dung về bảo vệ môi trường trong Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường Chí Linh, Chu Văn An, Lê Đại Hành, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn Hải Phòng và Thủ trưởng các Sở, ngành, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Chủ tịch, PCT TT Lê Anh Quân;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng;
- Cổng thông tin điện tử thành phố (để công khai Quyết định);
- UBND các phường: Chí Linh, Chu Văn An, Lê Đại Hành;
- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn Hải Phòng;
- CVP, PCVP Phạm Anh Tuấn;
- Các phòng: NNMT, NVKTGS;
- Lưu: VT, N.X.Thành.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Lê Anh Quân

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN NẠO VÉT VÀ KIÊN CỐ HÓA KÊNH PHAO TÂN - AN BÀI

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 10 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Dự án Nạo vét và kiên cố hoá kênh Phao Tân - An Bài.

- Chủ dự án đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn Hải Phòng.

- Địa chỉ liên hệ:

+ Trụ sở chính: Tổ dân phố Hoa Động 3, phường Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

+ Trụ sở thứ hai: Số 127 Đỗ Ngọc Du, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Phòng.

- Số điện thoại: 02203.845.410.

- Địa điểm thực hiện Dự án: Thuộc các phường Chí Linh, Chu Văn An, Lê Đại Hành, thành phố Hải Phòng; điểm đầu tại K0+000 (phường Chí Linh), điểm cuối tại K14+160 (phường Lê Đại Hành), tuyến kênh dài khoảng 14.160 m; diện tích sử dụng đất: khoảng 61,03 ha.

1.2. Quy mô, công suất

- Quy mô diện tích: 61,03 ha, bao gồm:

Hạng mục	**Lý trình**	**Địa điểm**	**Diện tích (m^2)**
Kênh Phao Tân - An Bài	K0 ÷ K3+300	Phường Chí Linh	105.720
	K3+300 ÷ K11+300	Phường Chu Văn An	390.753,2
	K11+300 ÷ K14+160	Phường Lê Đại Hành	113.832,0
Tổng cộng			**610.305,2**

- Quy mô xây dựng:

+ Nạo vét và kiên cố hóa kênh Phao Tân - An Bài với chiều dài: Lk = 14.160 m; mặt cắt hình thang, chiều rộng đáy kênh Bk = (8,0÷14,0); hệ số mái kênh m = (1,5 ÷ 1,75).

+ Xây dựng tuyến đường quản lý kết hợp giao thông nông thôn bên bờ phải kênh với tổng chiều dài Lđ = 8.450m; Quy mô mặt cắt Bn = 5,0m, Bm = 4,0m; Kết cấu cấp phối đá dăm.

+ Cải tạo, xây dựng các công trình trên kênh:

++ Cải tạo, nâng cấp các công trình trên kênh đã bị xuống cấp, bao gồm: 04 cầu kết cấu bê tông cốt thép M350 thay thế cầu cũ đã xuống cấp, hư hỏng tại K1+035, K7+040, K12+558, K13+198; 03 cống tiêu (cống Năm 1 tại K1+016, cống Cây Xi tại K1+578, cống Chùa Vần tại K8+733); 02 cống lấy nước vào trạm bơm tưới Thái Học A tại K11+155 và Thái Học B tại K12+198.

++ Xây dựng mới công trình chắn rác từ xa trước bể hút trạm bơm An Bài.

- Quy mô tổng mức đầu tư: 190.889.238.000 đồng *(Một trăm chín mươi tỷ, tám trăm tám mươi chín triệu, hai trăm ba mươi tám nghìn đồng).*

1.3. Phạm vi

Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án: Hoạt động rà phá bom mìn, hoạt động giải phóng mặt bằng *(phá dỡ, phát quang, dọn dẹp mặt bằng)*; Hoạt động thi công: Nạo vét và kiên cố hóa tuyến kênh; xây dựng tuyến đường quản lý kết hợp giao thông nông thôn bên bờ phải kênh và các công trình trên kênh *(cầu, cống)*; hoạt động vận chuyển: chất thải, máy móc thi công, nguyên vật liệu,…; hoạt động sinh hoạt của công nhân làm việc tại công trường; hoạt động hoàn trả mặt bằng tại các vị trí bố trí công trường, lán trại thi công dọc tuyến và thu dọn, san gạt mặt bằng bãi thải.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

1.5. Dự án thuộc danh mục phân loại xanh

Dự án không thuộc danh mục phân loại xanh.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Hoạt động giải phóng mặt bằng *(phá dỡ công trình, phát quang, dọn dẹp mặt bằng)*, rà phá bom mìn và bố trí công trường thi công phát sinh bụi, khí thải, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung; ảnh hưởng đến cảnh quan, hoạt động sản xuất, sinh hoạt của người dân và môi trường khu vực thực hiện Dự án.

- Hoạt động nạo vét, kiên cố hóa tuyến kênh thủy lợi; thi công tuyến đường quản lý kết hợp giao thông nông thôn và các công trình trên kênh *(cầu, cống)* phát sinh bụi, khí thải, nước thải thi công, chất thải từ hoạt động nạo vét, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung; làm gia tăng độ

đục, chất rắn lơ lửng trong nước, ảnh hưởng đến chất lượng nước, dòng chảy, khả năng tiêu thoát nước, gián đoạn hoạt động cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và nguy cơ sạt lở bờ kênh trong quá trình thi công.

- Hoạt động vận chuyển máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu thi công, đất đá và chất thải phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung; nguy cơ rơi vãi vật liệu, chất thải trong quá trình vận chuyển, ảnh hưởng đến chất lượng môi trường không khí, hạ tầng giao thông và hoạt động giao thông khu vực.

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân làm việc tại công trường phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, có nguy cơ ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường khu vực thi công.

- Hoạt động hoàn trả mặt bằng tại các vị trí bố trí công trường thi công dọc tuyến; thu dọn, san gạt mặt bằng các bãi thải phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung và chất thải rắn.

2.2. Giai đoạn vận hành

Hoạt động khai thác, quản lý, vận hành kênh Phao Tân - An Bài không thuộc phạm vi của dự án.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

3.1.1. Nước thải, khí thải

a) Nước thải

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân thi công xây dựng khoảng 8,1 m^3/ngày/06 công trường thi công (1,35 m^3/ngày/01 công trường thi công). Thông số ô nhiễm đặc trưng: Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD_5, tổng Nitơ, tổng Photpho, tổng Coliform.

- Nước thải xây dựng phát sinh từ hoạt động rửa xe, vệ sinh dụng cụ, thiết bị thi công khoảng 14 m^3/ngày/06 công trường thi công (2,33 m^3/ngày/01 công trường thi công). Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, dầu mỡ.

- Nước róc từ hoạt động nạo vét, tập kết tại bãi chứa tạm và san lấp gia cố thềm cơ kênh lưu lượng phát sinh khoảng 202 m^3/ngày. Thông số ô nhiễm TSS.

b) Bụi, khí thải

Bụi phát sinh từ hoạt động phá dỡ, dọn dẹp mặt bằng; Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển; Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của máy móc thiết bị thi công có sử dụng nhiên liệu xăng, dầu. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: Bụi, SO_2, NO_x, CO,...

3.1.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

a) Chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân xây dựng khoảng 54 kg/ngày/06 công trường thi công *(9 kg/ngày/công trường thi công)*. Thành phần chủ yếu: túi ni lông, vỏ hộp, bìa các tông, giấy vụn, thủy tinh, thức ăn thừa.

b) Chất thải xây dựng

- Thực bì *(cỏ dại, cành cây, bèo tây, ...)* phát sinh từ hoạt động phát quang giải phóng mặt bằng, thu dọn lòng kênh khoảng 330,45 tấn.

- Chất thải phá dỡ công trình *(cầu, cống)*: khoảng 530 m^3.

- Đất hữu cơ bóc tách đất lúa: khoảng 11.069,2 m^3.

- Đất đào, phá dỡ *(khuôn đường bờ kênh, đường thi công, đất đào cầu cấp 2)*: 12.325,75 m^3.

- Đất bóc phong hóa *(nền đường bờ kênh, làm đường thi công)*: 10.725,54 m^3.

- Bùn đất nạo vét *(sau khi róc nước)*: 199.819,4 m^3.

- Chất thải rắn xây dựng phát sinh khoảng 120,39 tấn trong suốt quá trình thi công, bao gồm: xà bần, vỏ bao xi măng, đầu mẩu sắt thép thừa,…

c) Chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng gồm: Dầu thải: 1.294 kg; giẻ lau dính dầu, vải lọc dầu: 600 kg trong suốt quá trình thi công.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, từ các thiết bị thi công, hoạt động xây dựng các hạng mục, công trình của Dự án.

3.1.4. Các tác động khác

- Nước mưa chảy tràn trên phần diện tích đang thi công xây dựng với lưu lượng khoảng 468,98 lít/s *(trong ngày có lượng mưa lớn nhất)*. Thông số ô nhiễm chủ yếu: TSS.

- Hoạt động thi công xây dựng các công trình trên tuyến kênh, hoạt động nạo vét kênh có khả năng gây cản trở điều kiện tiêu thoát lũ vào mùa mưa, ảnh hưởng đến hoạt động cấp nước tưới tiêu cho diện tích đất canh tác nông nghiệp, hoạt động nuôi trồng thuỷ sản hai bên lưu vực.

- Hoạt động chiếm dụng đất *(đất nông nghiệp, đất thổ cư)*, giải phóng mặt bằng.

- Hoạt động sạt lở, sụt lún nhà dân trong quá trình thi công kè.

3.2. Giai đoạn vận hành

Không có nguồn tác động.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt: Bố trí 02 nhà vệ sinh di động/01 công trường (12 nhà vệ sinh di động/06 công trường) có bể chứa chất thải dung tích 2,0 m^3/nhà để thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân xây dựng trên công trường. Định kỳ thuê đơn vị có chức năng hút, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Nước thải thi công:

+ Nước thải từ quá trình rửa xe, vệ sinh dụng cụ thi công: Xây dựng hố lắng tạm thời để thu gom nước vệ sinh dụng cụ thi công, nước thải rửa xe trên công trường thi công, mỗi hố có 02 ngăn, kích thước mỗi ngăn khoảng 1m×1m×1,5m, được đầm chặt và lót vải địa kỹ thuật để chống xói, trước cửa thu vào hố lắng có đặt song chắn bằng lưới sắt để thu gom rác và các tấm thấm dầu *(500x500 mm)* để tách váng dầu trên bề mặt. Tấm thấm dầu (chất thải chứa dầu) được thay thế định kỳ 1 tuần/lần, được thu gom, lưu giữ, xử lý như chất thải nguy hại. Nước sau khi lắng đọng chất rắn lơ lửng được sử dụng để rửa xe, tưới ẩm đường giao thông, giảm thiểu bụi trên công trường thi công. Bùn thải tại hố lắng được thu gom, hút và vận chuyển đi xử lý bởi đơn vị có chức năng theo quy định.

Quy trình: Nước thải *(rửa xe, dụng cụ thi công)* → Ngăn số 1 → Tấm thấm dầu → Ngăn số 2 → Tuần hoàn rửa xe, tưới ẩm đường giao thông.

+ Nước róc từ bùn đất nạo vét tại các bãi tạm và đắp thềm cơ kênh (dọc tuyến): Bùn đất nạo vét được tập kết tạm thời tại các khu vực có bờ bao cao 0,2–0,3 m để tách nước tự nhiên; nước róc được thu gom qua ống PVC D110 có bịt vải lọc đầu ống trước khi dẫn trở lại lòng kênh.

b) Giai đoạn vận hành: không có.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Xây dựng hệ thống thu gom, công trình xử lý nước thải phục vụ giai đoạn thi công xây dựng trước khi thực hiện các hoạt động thi công xây dựng Dự án, đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng Dự án được thu gom, xử lý đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và pháp luật có liên quan.

- Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Thực hiện thi công cuốn chiếu, dứt điểm theo từng khu vực; thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận, đảm bảo vệ sinh.

- Phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định, sử dụng phương tiện thi công dùng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp.

- Che phủ bạt đối với các bãi chứa đất hữu cơ và tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải.

- Bố trí khu vực rửa bánh xe phương tiện vận chuyển tại mỗi công trường thi công, đảm bảo tất cả các xe vận chuyển được rửa sạch bùn đất dính bám trước khi ra khỏi công trường.

b) Giai đoạn vận hành: Không có.

c) Yêu cầu bảo vệ môi trường

Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh trong các giai đoạn của Dự án; giám sát các nhà thầu thi công trong việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh bởi Dự án trong giai đoạn thi công xây dựng; bảo đảm môi trường không khí xung quanh trong giai đoạn thi công xây dựng của Dự án luôn nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn xây dựng.

- Chất thải rắn sinh hoạt: yêu cầu nhà thầu ký hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển và xử lý rác thải theo đúng quy định.

- Khoảng 330,45 tấn thực bì *(cỏ dại, cành cây, bèo tây, ...)* phát sinh từ hoạt động phát quang giải phóng mặt bằng, thu dọn lòng kênh sẽ được thu gom chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển và mang đi xử lý theo đúng quy định.

- Khoảng 530m^3 chất thải từ hoạt động phá dỡ các công trình thuộc phạm vi dự án như cầu, cống; khoảng 11.069,2 m^3 đất hữu cơ bóc tách bề mặt diện tích đất lúa sẽ được thu gom, tập kết và vận chuyển đến khu Bờ Soi thuộc địa phận phường Lê Đại Hành (Văn bản số 2468/UBND-XDNNMT ngày 11/9/2026 của Ủy ban nhân dân phường Lê Đại Hành về việc bố trí điểm tập kết chất thải rắn xây dựng của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn và đề xuất bãi tập kết, chứa chất thải xây dựng tập trung trên địa bàn thành phố).

- Toàn bộ khối lượng đất đào, phá dỡ *(khuôn đường bờ kênh, đường thi công, đất đào cầu cấp 2)* 12.325,75 m^3 được tận dụng để đắp đường thi công, đường bờ kênh, cầu của dự án.

- Khoảng 10.725,54 m^3 đất bóc phong hóa *(nền đường bờ kênh, làm đường thi công, đào thi công cầu)* và 199.819,4 m^3 bùn đất nạo vét *(sau khi róc nước)* - theo kết quả phân tích các mẫu trầm tích tại các vị trí dọc tuyến kênh do chủ dự án kết hợp với đơn vị có chức năng thực hiện, các chỉ tiêu phân tích đều nằm trong giới hạn cho phép đảm bảo điều kiện có thể tận dụng để san lấp; trong đó:

+ Khoảng 144.026,72 m^3 được tận dụng san lấp khu vực vùng trũng, sình lầy dọc tuyến kênh trong phạm vi dự án, không vận chuyển ra ngoài công trường theo phương án thiết kế trong Báo cáo nghiên cứu khả thi đã được thẩm định.

+ Khoảng 64.900 m^3 được tận dụng làm vật liệu san lấp tại 02 khu vực Khu Bờ Chịp *(tổ dân phố An Lạc, diện tích 7.000 m^2, khả năng lưu chứa 28.000 m^3)*, Khu Đồng Quốc *(tổ dân phố Bờ Dọc, diện tích 8.000 m^2, khả năng lưu chứa 31.000 m^3)*, phường Lê Đại Hành theo Biên bản làm việc về việc thống nhất vị trí bãi chứa bùn, đất vật liệu phá dỡ trong quá trình thi công xây dựng công trình giữa Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn Hải Phòng với Ủy ban nhân dân phường Lê Đại Hành.

+ Khoảng 1.618,22 m^3 sẽ tập kết tạm tại khu Bờ Soi thuộc địa phận phường Lê Đại Hành.

- Chất thải rắn xây dựng sẽ thu gom, chuyển giao cho đơn vị có chức năng theo đúng quy định tại văn bản số 1872/UBND-NNMT ngày 24/8/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

b) Giai đoạn vận hành: Không có.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Phân loại tại nguồn và quản lý, chuyển giao chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026; Quyết định số 229/2025/QĐ-UBND ngày 09/12/2025 của Uỷ ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng, Văn bản số 1872/UBND-NNMT ngày 24/8/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Tại mỗi công trường thi công bố trí 02 thùng phuy (120 lít/thùng) để lưu chứa chất thải nguy hại. Thùng chứa chất thải nguy hại có nắp đậy kín, đảm bảo không rò rỉ, bay hơi, rơi vãi, phát tán ra môi trường và có gắn dấu hiệu cảnh báo nguy hại. Các thùng chứa được bảo quản trong khu vực quy định, đảm bảo đúng quy cách đặt trong kho vật tư tại mỗi công trường, diện tích khoảng 2 m^2 lưu chứa an toàn, không tràn đổ, có dán nhãn và gắn biển hiệu cảnh báo. Định kỳ chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành: Không có.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải nguy hại và đảm bảo toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng Dự án luôn được thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Quản lý kiểm soát thiết bị thi công; tổ chức thi công hợp lý, trang bị đầy đủ biện pháp bảo vệ cho công nhân.

- Che chắn công trường bằng tường rào để hạn chế truyền âm ra bên ngoài; lựa chọn vị trí tập kết máy móc hợp lý, cách xa khu dân cư.

b) Giai đoạn vận hành: không có.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Biện pháp giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn

a) Giai đoạn thi công

- Xây dựng hệ thống rãnh thu gom nước mưa kích thước B x H = (0,4 x 0,6) m và các hố lắng đất cát, dung tích 2 m^3/hố, mật độ khoảng 30 m/hố quanh khu vực thi công để thu gom, lắng cặn nước mưa chảy tràn. Thi công xây dựng tới đâu bố trí hố lắng tại đó và hoàn trả sau kết thúc thi công; thường xuyên nạo vét, khơi thông rãnh thoát nước và hố lắng, đảm bảo nước mưa không gây ngập úng khu vực Dự án và xung quanh.

- Quy trình xử lý: Nước mưa chảy tràn → hệ thống rãnh thu gom nước mưa và hố lắng → lắng cặn→ môi trường.

b) Giai đoạn vận hành: không có.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Xây dựng mạng lưới thu gom, thoát nước mưa tách biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về tiêu thoát nước, vệ sinh môi trường. Thực hiện các biện pháp quản lý, vận hành các công trình thu gom, thoát nước mưa chảy tràn đảm bảo việc tiêu thoát nước cho khu vực Dự án và khu vực xung quanh, không gây úng ngập trong giai đoạn thi công Dự án.

4.4.2. Biện pháp giảm thiểu đến các đối tượng, công trình trong phạm vi thu hồi đất, giải phóng mặt bằng.

Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương hoàn thành công tác đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật.

4.4.3. Biện pháp giảm thiểu đến các đối tượng, công trình do hoạt động thi công, xây dựng dự án

a) Giảm thiểu tác động đến khu vực dân cư lân cận

Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động đến khu dân cư lân cận như tưới ẩm công trường, che phủ vật liệu, bố trí khu tập kết xa khu dân cư và lắp đặt hàng rào che chắn. Máy móc, thiết bị thi công được vận hành theo lịch trình hợp lý; áp dụng biện pháp giảm ồn, giảm rung tại các khu vực gần dân cư. Đồng thời, thực hiện hoàn trả kênh mương theo đúng phương án được chấp thuận và xây dựng hệ thống thoát nước mưa theo quy hoạch nhằm hạn chế nguy cơ ngập úng khu vực xung quanh.

b) Giảm thiểu tác động đến giao thông khu vực

- Thực hiện phương án tổ chức giao thông khi triển khai dự án tại các tuyến đường vào khu dân cư xung quanh dự án.

- Tổ chức phân luồng, đảm bảo an toàn giao thông trong quá trình thi công.

c) Giảm thiểu tác động đến an ninh, trật tự xã hội

Ưu tiên sử dụng lao động địa phương, ban hành nội quy về an ninh trật tự, giờ làm việc, sinh hoạt và ứng xử với cộng đồng. Nghiêm cấm cờ bạc, rượu bia, gây rối, xô xát, trộm cắp. Phối hợp với chính quyền, công an và y tế địa phương để quản lý tạm trú, xử lý mâu thuẫn phát sinh và phòng chống dịch bệnh.

d) Giảm thiểu tác động đến hệ thống kênh mương, tiêu thoát nước khu vực lân cận

- Phối hợp với đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi và chính quyền địa phương khảo sát hiện trạng, lập phương án bảo vệ các công trình thủy lợi hiện hữu; bố trí kế hoạch thi công theo từng đoạn, phù hợp với lịch cấp nước tưới, tiêu thoát nước, hạn chế ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt của người dân.

- Bố trí các giải pháp dẫn dòng, kênh dẫn tạm, cống tạm hoặc bơm chuyển nước tại các vị trí thi công ảnh hưởng đến dòng chảy, bảo đảm duy trì khả năng cấp nước, tiêu thoát nước trong suốt quá trình thi công. Không tập kết đất, bùn nạo vét, vật liệu, máy móc trong phạm vi dòng chảy và hành lang bảo vệ công trình thủy lợi; thường xuyên thu dọn đất, bùn, vật liệu rơi vãi, bảo đảm thông thoáng dòng chảy.

- Áp dụng các biện pháp thi công phù hợp nhằm bảo đảm an toàn, ổn định kết cấu các công trình thủy lợi hiện hữu; kịp thời sửa chữa, khắc phục các hư hỏng phát sinh do hoạt động thi công.

4.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố

4.5.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Sự cố cháy nổ: Trang bị các phương tiện phòng cháy, chữa cháy tại khu vực công trường thi công; tập huấn công tác phòng cháy, chữa cháy và phổ biến kiến thức phòng cháy, chữa cháy cho cán bộ, công nhân của Dự án; thực hiện nghiêm chỉnh các quy chuẩn quy phạm, quy định về phòng cháy, chữa cháy trong quá trình xây dựng và sử dụng các thiết bị, máy móc thi công; lắp đặt biển

báo cấm không sử dụng lửa tại khu vực kho chứa nhiên liệu và các khu vực có nguy cơ xảy ra cháy.

- Sự cố tai nạn lao động: Tập huấn cho công nhân về thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác an toàn lao động, tuân thủ theo quy định về sử dụng, vận hành, bảo dưỡng, bảo quản các thiết bị, máy móc thi công; lắp đặt biển cảnh báo tại những vị trí có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động; sử dụng các máy móc, thiết bị được kiểm định, bảo đảm an toàn theo quy định hiện hành; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho người lao động làm việc trên công trường.

- Sự cố ngập úng: Thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không để nước đọng, gây ngập úng.

- Sự cố sụt lún công trình: Đầu tư xây dựng các hạng mục công trình của Dự án theo đúng thiết kế được cơ quan chức năng có thẩm quyền phê duyệt; định kỳ thực hiện giám sát nguy cơ gây lún, nứt các công trình khu vực Dự án trong suốt quá trình thi công. Trường hợp xảy ra lún, nứt hoặc tiềm ẩn nguy cơ lún, nứt ảnh hưởng đến các công trình hạ tầng, nhà cửa và các công trình liên quan khác phải dừng mọi hoạt động có liên quan, phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng có liên quan khắc phục tình hình và đền bù mọi thiệt hại do hoạt động của Dự án gây ra theo quy định của pháp luật.

4.5.2. Giai đoạn vận hành: Không có.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

5.1. Chương trình quản lý và giám sát môi trường giai đoạn thi công xây dựng

5.1.1. Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

- Thực hiện phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026; Quyết định số 229/2025/QĐ-UBND ngày 09/12/2025 của Uỷ ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng và năng lực thu gom, vận chuyển và xử lý định kỳ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

5.1.2. Giám sát môi trường không khí, tiếng ồn, độ rung

- Vị trí giám sát: 06 vị trí (01 vị trí/01 công trường thi công tại khu vực tập trung máy móc, thiết bị thi công).

- Tần suất giám sát: 01 lần/01 đợt thi công (06 tháng/năm).

- Thông số giám sát: Tiếng ồn, độ rung, bụi tổng, SO_2, NOx, CO.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

5.2. Chương trình quản lý và giám sát môi trường giai đoạn vận hành: không có.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường như sau:

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật hiện hành và chỉ được phép triển khai thực hiện Dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giao đất theo quy định của pháp luật hiện hành; hợp đồng với đơn vị chức năng tiến hành rà phá bom mìn, vật nổ trong khu vực Dự án trước khi triển khai thi công.

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn phân luồng giao thông và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về hoạt động thi công của Dự án để người dân tham gia giao thông được biết.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án và đầu tư xây dựng các hạng mục công trình của Dự án theo đúng thiết kế được cơ quan chức năng có thẩm quyền phê duyệt.

- Tổ chức thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định 48/2026/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

- Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định trên trang thông tin điện tử của Chủ dự án hoặc tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện Dự án đầu tư chậm nhất là 10 ngày sau khi có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai Dự án và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình hoạt động nếu phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, đặc biệt là kết quả quan trắc đánh giá hiện trạng môi trường, danh sách các thành viên tham gia thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường vào dự án đầu tư, dự án đầu tư xây dựng./.